TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2024
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú, bà Ngô Thị Thời.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Thùy D**, sinh năm 1992; ĐKHKTT: Số 58 A, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Hiện cư trú: Số 89 B, phường B1, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Bùi Quý V**, sinh năm 1989; ĐKHKTT và hiện cư trú: Số 58 A, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Thùy D, trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Quý V được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B1, thành phố H ngày 26/02/2016. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Tháng 5/2022, chị đã làm đơn xin ly hôn anh V, sau đó anh V tha thiết xin đoàn tụ nên chị đã rút đơn về tuy Nên tình trạng vợ chồng vẫn không khắc phục được. Anh chị đã ly thân từ tháng 10/2023, chị về gia đình bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh V

không còn. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Vợ chồng chị có 01 con chung là Bùi Ngô Thùy N, sinh ngày 19/8/2016. Từ khi ly thân, cháu N ở cùng chị. Hiện chị kinh doanh tự do thu nhập khoảng trên 10 triệu đồng/1 tháng, chị đang ở cùng bố mẹ đẻ ông bà có điều kiện kinh tế, chỗ ở, có thời gian hỗ trợ chị trong việc chăm sóc cháu N. Do vậy, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp đối với gia đình hai bên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Quý V trình bày: Về điều kiện kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị D. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh bị người phụ nữ khác lừa tình cảm làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng có dạn nứt. Anh bị hoàn cảnh bên ngoài cám dỗ nên đã làm Nều việc không phải khiến chị D phiền lòng. Hai bên gia đình cũng hòa giải Nều lần nhưng chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn anh. Chị D đã về gia đình bố mẹ đẻ ở từ tháng 10/2023 đến nay, mỗi người một nơi. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị D vẫn còn nên chị D xin ly hôn anh không đồng ý. Vợ chồng có 01 con chung như chị D trình bày là đúng. Trường hợp chị D kiên quyết ly hôn, anh xin được nuôi con. Hiện nay anh chưa có việc làm nhưng anh sẽ tìm việc để đi làm trở lại. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp đối với gia đình hai bên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Bùi Ngô Thùy N thể hiện cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Lời khai người thân gia đình chị D, anh V và xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: Chị D, anh V lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vấn đề kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra va chạm. Hai bên gia đình đã hòa giải Nều lần cho anh chị nhưng vẫn không khắc phục được. Nay chị D xin ly hôn anh V, người thân gia đình chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Người thân gia đình anh V và chính quyền địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, người thân gia đình hai bên đề nghị giao cháu N cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu của

chị D, xử cho chị Ngô Thị Thùy D ly hôn anh Bùi Quý V; Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Ngô Thùy N, sinh ngày 19/8/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn hiện cư trú tại thành phố Hải Dương và trên cơ sở yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh V được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị D, anh V là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và vấn đề kinh tế gia đình. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh V. Lời khai người thân gia đình chị D, anh V thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Năm 2022, chị D đã làm thủ tục ly hôn anh V sau đó lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không cải thiện được. Mâu thuẫn của anh, chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ tuy Nên chị D kiên quyết xin ly hôn, anh V lại không đưa ra được giải pháp để cải thiện tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy chị D, anh V đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị D ly hôn anh V là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngô Thùy N, sinh ngày 19/8/2016. Nguyện vọng nuôi con của chị D, anh V đều là chính đáng. Tuy Nên cháu N là con gái, cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Hơn nữa từ khi ly thân cháu N ở cùng chị D. Người thân hai bên gia đình đề nghị giao cháu N cho mẹ chăm sóc, gia đình chị D sẽ hỗ trợ chị D trong việc chăm sóc cháu N được tốt nhất. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cho cháu N, cần giao cháu N cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị D, anh V đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị D xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thùy D.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Thùy D ly hôn anh Bùi Quý V.

- Về con chung: Xử giao cho chị Ngô Thị Thùy D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Bùi Ngô Thùy N, sinh ngày 19/8/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc chị Ngô Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002900 ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Thùy D và anh Bùi Quý V có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường B1, TP Hải Dương để lưu hộ tịch (ĐKKH: 26/02/2016);
- Lưu hồ sơ.